

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-10-2019

V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 04-6-2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐST-DS ngày 08-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1990; trú tại: Thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Tổ S, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Vũ Thị Quỳnh Tr trình bày: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13-6-2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do anh T bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 04/2019, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr yêu cầu: về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh T; về con chung: Chị Tr và anh T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 03-

11-2011, đang ở với anh T, chị Tr yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Ngọc T trình bày: Anh thừa nhận việc đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày, nhưng mâu thuẫn không nghiêm trọng; tình cảm vợ, chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung là Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 03-11-2011, đang ở với anh T, nếu ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không thống nhất việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Chị Tr được ly hôn với anh T; về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 03-11-2011 cho chị Tr nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bị đơn Trần Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn Vũ Thị Quỳnh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Trần Ngọc T; chị Tr và anh T có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Vũ Thị Quỳnh Tr, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 13-6-2011 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk

Nông là có thật và hợp pháp. Do mâu thuẫn gia đình, chị Tr và anh T ly thân từ tháng 04/2019, thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Tr và anh T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 03-11-2011, đang ở với anh T, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị Tr. Tại phiên tòa, chị Tr và anh T trình bày về điều kiện nuôi con là như nhau nhưng cháu N đang còn nhỏ nếu được ở với mẹ thì điều kiện chăm sóc tốt hơn nên cần giao cháu N cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Quỳnh Tr.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Quỳnh Tr được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

1.2 Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 03-11-2011 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Vũ Thị Quỳnh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu

trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi Tr nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003961, ngày 04-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong; chi Tr nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ,
tỉnh Đắk Nông (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh